

PHỤ LỤC I
DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THỰC HIỆN TẠI
TRUNG TÂM Y TẾ KIÊN HẢI

(theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh)

STT	Tên chương		Số lượng kỹ thuật	Đăng ký thực hiện	Trong đó	
					Đúng tuyến	Tỷ lệ % thực hiện
1	01	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	402	61	61	15.2
2	02	Nội khoa	719	38	38	5.3
3	03	Nhi khoa	4265	224	224	5.3
4	04	Lao (ngoại lao)	59	0	0	0.0
5	05	Da liễu	133	2	2	1.5
6	06	Tâm thần	75	9	9	12.0
7	07	Nội tiết	282	11	11	3.9
8	08	Y học cổ truyền	489	255	255	52.1
9	09	Gây mê hồi sức	4777	41	41	0.9
10	10	Ngoại khoa	1486	6	6	0.4
11	11	Bỏng	181	19	19	10.5
12	12	Ung bướu	457	0	0	0.0
13	13	Phụ sản	278	58	58	20.9
14	14	Mắt	309	13	13	4.2
15	15	Tai mũi họng	403	23	23	5.7
16	16	Răng hàm mặt	415	9	9	2.2
17	17	Phục hồi chức năng	254	0	0	0.0
18	18	Điện quang	744	64	64	8.6
19	19	Y học hạt nhân	429	0	0	0.0
20	20	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	131	0	0	0.0
21	21	Thăm dò chức năng	147	10	10	6.8
22	22	Huyết học - truyền máu	771	11	11	1.4
23	23	Hóa sinh	375	40	40	10.7
24	24	Vi sinh, ký sinh trùng	413	31	31	7.5
25	25	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học	206	1	1	0.5
26	26	Vi phẫu	60	0	0	0.0
27	27	Phẫu thuật nội soi	652	0	0	0.0
28	28	Tạo hình- Thẩm mỹ	526	9	9	1.7
	Tổng cộng		19438	935	935	
	Tỷ lệ % kỹ thuật thực hiện được		17396	935	935	5.4